TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-PT.
Ngày: 22/8/2019
V/ v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Thuận

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Văn Quế.

- Bà Lê Thị Hồng Phương.

-***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên:*** Bà Nguyễn Tuyết Vân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2019/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 về ly hôn.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 10/2019/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 27/2019/QĐXX-PT ngày 8 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Huy N, sinh năm 1983.

HKTT: Xóm Đ, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

2. Bị đơn: Chị Đinh Thị Thu H, sinh năm 1984.

HKTT: Xóm Đ, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

3. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Huy N là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo bản án sơ thẩm nguyên đơn anh Nguyễn Huy N trình bày: Anh và chị H kết hôn ngày 22/7/2010 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn anh và chị H sống chung cùng gia đình anh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, nhưng chỉ được một thời gian ngắn vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không

hợp, thường xuyên cãi chửi nhau, khiến cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, ngột ngạt. Vợ chồng anh hiện nay tuy đang sống chung với nhau nhưng không còn quan tâm nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Huy P, sinh ngày 02/5/2011 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 10/10/2017. Khi ly hôn anh mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Huy P. Còn cháu Nguyễn Minh Đ chưa đủ 36 tháng tuổi nên anh đồng ý giao cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản vay và cho vay: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Đinh Thị Thu H trình bày: Chị và anh N kết hôn và chung sống như anh N trình bày là đúng. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, từ khi kết hôn tới năm 2017 mới xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị là do anh N có người phụ nữ khác nên về nhà đối xử với chị không tốt, hiện nay vợ chồng chị vẫn đang chung sống cùng nhau, nhưng anh N không quan tâm đến chị và các con. Đến nay anh N vẫn kiên quyết ly hôn nên chị cũng nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Huy P, sinh năm 2011 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 10/10/2017. Hiện nay các cháu còn quá nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ, chị cũng không muốn chia tách các con nên khi ly hôn chị có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi cả hai con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản vay và cho vay: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên, tại bản án số 10/2019/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Huy N, cho anh Nguyễn Huy N được ly hôn chị Đinh Thị Thu H.

2. Về con chung: Giao cho chị Đinh Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung là cháu Nguyễn Huy P, sinh ngày 02/5/2011 và cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 10/10/2017 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Anh N được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở, ngăn cấm.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về khoản vay và cho vay: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

5.Về án phí**:** Anh Nguyễn Huy N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp Ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000632 ngày 29/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/5/2019 anh Nguyễn Huy N có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P, giao cho anh được nuôi 01 con chung và giải quyết phần nợ tại Ngân hàng Sacombank chi nhánh Thái Nguyên, để bảo đảm quyền lợi cho anh và các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn anh Nguyễn Huy N vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh N làm trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Về nội dung: Xét kháng cáo xin được nuôi con chung của anh N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Huy P, sinh ngày 02/5/2011 và cháu Nguyễn Minh Đ sinh ngày 10/10/2017. Cháu Nguyễn Minh Đ hiện còn rất nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) nên việc Tòa án sơ thẩm giao cháu Đ cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp. Cháu Nguyễn Huy P hiện đã trên 7 tuổi, nguyện vọng được nuôi cháu P của anh N là chính đáng. Tại phiên tòa phúc thẩm anh N vẫn giữ nguyên quan điểm tha thiết được nuôi 01 con chung là cháu Nguyễn Huy P. Xét thấy bản thân anh N hiện nay có công việc thu nhập ổn định, có nhà ở đảm bảo đủ điều kiện sinh hoạt cho con. Cả anh N và chị H đều có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc các con như nhau, việc Tòa án cấp sơ thẩm giao cả hai con cho chị H nuôi con là chưa phù hợp, tuy cháu P có mong muốn được ở với mẹ nhưng để bảo đảm cho cháu P về mọi mặt, HĐXX nhận thấy để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho các con của anh N và chị H cần giao cháu P cho anh Nguyễn Huy N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc tới khi có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện khả

năng nuôi dưỡng, chăm sóc con của anh N và chị H.

[3]. Về mức cấp dưỡng do anh N, chị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[4]. Về kháng cáo của anh N đối với khoản nợ tại Ngân hàng Sacombank: Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản về việc kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 14/02/2019 (Bút lục 24) và biên bản hòa giải ngày 14/02/2019 (Bút lục 27), biên bản phiên tòa ngày 16/5/2019 (bút lục 68-71) anh N đều xác định không đề nghị giải quyết về nợ chung của vợ chồng. Do vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết đối với khoản nợ chung là có căn cứ. Nếu anh N có yêu cầu giải quyết phần nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác. Kháng cáo của anh N đối với yêu cầu giải quyết phần nợ chung tại Ngân hàng Sacombank chi nhánh Thái Nguyên khi ly hôn không có căn cứ chấp nhận.

[5]. Về án phí: Anh Nguyễn Huy N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và không phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm.

[6]. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện VKS phát biểu sự tuân theo pháp luật của thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của anh Nguyễn Huy N, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm về phần con chung là chưa có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 58, 81, 82 và 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Huy N, sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 10/2019/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Huy N, anh Nguyễn Huy N được ly hôn với chị Đinh Thị Thu H.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Huy N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Huy P, sinh ngày 02/5/2011; Chị Đinh Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày

10/10/2017 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh N, chị H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Các bên không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do anh N chị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Huy N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, xác nhận anh N đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000632 ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Anh Nguyễn Huy N không phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm, được hoàn lại 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000821 ngày 10 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện P;
- THADS huyện P;
- UBND xã N, P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đức Thuận